

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I  
MÔN TOÁN 7. Năm học: 2025 – 2026

| TT          | Chương/<br>Chủ đề                   | Nội dung/đơn vị<br>kiến thức                                                                                           | Mức độ đánh giá |    |               |          |          |          |                 |         | Tổng<br>% điểm |            |
|-------------|-------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------|----|---------------|----------|----------|----------|-----------------|---------|----------------|------------|
|             |                                     |                                                                                                                        | Nhận biết       |    | Thông<br>hiểu |          | Vận dụng |          | Vận dụng<br>cao |         |                |            |
|             |                                     |                                                                                                                        | TN<br>KQ        | TL | TN<br>KQ      | TL       | TN<br>KQ | TL       | TN<br>KQ        | TL      |                |            |
| 1           | Số hữu tỉ                           | <i>Số hữu tỉ và tập<br/>hợp các số hữu tỉ.<br/>Thứ tự trong tập<br/>hợp các số hữu tỉ</i>                              | 1<br>2,5%       |    |               |          |          |          |                 |         |                | 1<br>2,5%  |
|             |                                     | <i>Các phép tính với<br/>số hữu tỉ</i>                                                                                 |                 |    |               | 1<br>5%  |          | 2<br>10% |                 | 1<br>5% | 4<br>20%       |            |
| 2           | Số thực                             | <i>Làm tròn số</i>                                                                                                     |                 |    |               | 1<br>5%  |          |          |                 |         |                | 1<br>5%    |
|             |                                     | <i>Số vô tỉ. Số thực</i>                                                                                               | 4<br>10%        |    |               |          |          |          |                 |         |                | 4<br>10%   |
| 3           | Các hình<br>khối trong<br>thực tiễn | <i>Hình hộp chữ<br/>nhật và hình lập<br/>phương</i>                                                                    | 1<br>2,5%       |    |               |          |          | 2<br>10% |                 |         |                | 3<br>12,5% |
|             |                                     | <i>Lăng trụ đứng<br/>tam giác, lăng trụ<br/>đứng tứ giác</i>                                                           | 1<br>2,5%       |    |               |          |          |          |                 |         |                | 1<br>2,5%  |
| 4           | Các hình<br>hình học cơ<br>bản      | <i>Góc ở vị trí đặc<br/>biệt. Tia phân<br/>giác của một góc</i>                                                        | 2<br>5%         |    |               |          |          | 1<br>5%  |                 |         |                | 3<br>10%   |
|             |                                     | <i>Hai đường thẳng<br/>song song. Tiên<br/>đề Euclid về<br/>đường thẳng<br/>song song</i>                              | 1<br>2,5%       |    |               |          |          | 2<br>10% |                 |         |                | 3<br>12,5% |
|             |                                     | <i>Khái niệm định lí,<br/>chứng minh một<br/>định lí</i>                                                               | 1<br>2,5%       |    |               | 1<br>5%  |          |          |                 |         |                | 2<br>7,5%  |
| 5           | Thu thập<br>và tổ chức<br>dữ liệu   | <i>Mô tả và biểu<br/>diễn dữ liệu trên<br/>các bảng, biểu đồ</i>                                                       | 1<br>2,5%       |    |               | 1<br>10% |          |          |                 |         |                | 2<br>12,5% |
| 6           | Phân tích<br>và xử lí dữ<br>liệu    | <i>Hình thành và<br/>giải quyết vấn đề<br/>đơn giản xuất<br/>hiện từ các số<br/>liệu và biểu đồ<br/>thống kê đã có</i> |                 |    |               | 1<br>5%  |          |          |                 |         |                | 1<br>5%    |
| Tổng        |                                     |                                                                                                                        | 12              |    |               | 5        |          | 7        |                 | 1       |                | 25         |
| Tỉ lệ %     |                                     |                                                                                                                        | 30%             |    |               | 30%      |          | 35%      |                 | 5%      |                | 100%       |
| Tỉ lệ chung |                                     |                                                                                                                        | 60%             |    |               |          | 40%      |          |                 |         | 100%           |            |

BẢN ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA HỌC KÌ I  
MÔN TOÁN 7. Năm học: 2025 – 2026

| TT | Chương/<br>Chủ đề                      | Nội dung/Đơn<br>vị kiến thức                                                                  | Mức độ đánh giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Số câu hỏi theo mức độ<br>nhận thức |                   |                          |                    |
|----|----------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|-------------------|--------------------------|--------------------|
|    |                                        |                                                                                               |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                | Nhận<br>biết                        | Thông<br>hiểu     | Vận<br>dụng              | Vận<br>dụng<br>cao |
| 1  | Số hữu tỉ                              | <i>Số hữu tỉ và<br/>tập hợp các số<br/>hữu tỉ. Thứ tự<br/>trong tập hợp<br/>các số hữu tỉ</i> | <b>Nhận biết:</b><br>- Nhận biết được tập hợp các số hữu tỉ.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                   | 1<br>(TN)<br>C1                     |                   |                          |                    |
|    |                                        | <i>Các phép tính<br/>với số hữu tỉ</i>                                                        | <b>Thông hiểu:</b><br>- Mô tả được phép tính lũy thừa với số<br>mũ tự nhiên của một số hữu tỉ và một số<br>tính chất của phép tính đó (tích và<br>thương của hai lũy thừa cùng cơ số, lũy<br>thừa của lũy thừa).<br><b>Vận dụng:</b><br>- Thực hiện được các phép tính: cộng,<br>trừ, nhân, chia trong tập hợp số hữu tỉ.<br><b>Vận dụng cao:</b><br>- Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn<br>( <i>phức hợp, không quen thuộc</i> ) gắn với<br>các phép tính về số hữu tỉ. |                                     | 1<br>(TL)<br>C13b | 2<br>(TL)<br>C14<br>a, b | 1<br>(TL)<br>C18   |
| 2  | Số thực                                | <i>Làm tròn số</i>                                                                            | <b>Thông hiểu:</b><br>- Biết cách làm tròn số.                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |                                     | 1 (TL)<br>C13a    |                          |                    |
|    |                                        | <i>Số vô tỉ. Số<br/>thực</i>                                                                  | <b>Nhận biết:</b><br>- Nhận biết được số thập phân hữu hạn<br>và số thập phân vô hạn tuần hoàn.<br>- Nhận biết được số vô tỉ, số thực, tập<br>hợp các số thực.<br>- Nhận biết được số đối của một số<br>thực.<br>- Nhận biết được giá trị tuyệt đối của<br>một số thực.                                                                                                                                                                                                        | 4<br>(TN)<br>C2-5                   |                   |                          |                    |
| 3  | Các hình<br>khối<br>trong<br>thực tiễn | <i>Hình hộp chữ<br/>nhật và hình<br/>lập phương</i>                                           | <b>Nhận biết</b><br>Mô tả được một số yếu tố cơ bản (đỉnh,<br>cạnh, góc, mặt, ...) của hình hộp chữ<br>nhật và hình lập phương.<br><b>Thông hiểu</b><br>- Giải quyết được một số vấn đề thực<br>tiễn gắn với việc tính thể tích, diện tích<br>xung quanh của hình hộp chữ nhật,<br>hình lập phương (ví dụ: tính thể tích<br>hoặc diện tích xung quanh của một số<br>đồ vật quen thuộc có dạng hình hộp<br>chữ nhật, hình lập phương,...).                                      | 1<br>(TN)<br>C6                     |                   | 2<br>(TL)<br>C17<br>a, b |                    |

|                    |                             |                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                           |                   |                   |                            |    |
|--------------------|-----------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|-------------------|----------------------------|----|
|                    |                             | <b>Lăng trụ đứng tam giác, lăng trụ đứng tứ giác</b>                                               | <b>Nhận biết</b><br>- Mô tả được hình lăng trụ đứng tam giác, hình lăng trụ đứng tứ giác (ví dụ: hai mặt đáy là song song; các mặt bên đều là hình chữ nhật, ...).                                                                                                        | 1<br>(TN)<br>C7   |                   |                            |    |
| 4                  | Các hình hình học cơ bản    | <b>Góc ở vị trí đặc biệt. Tia phân giác của một góc</b>                                            | <b>Nhận biết :</b><br>- Nhận biết được các góc ở vị trí đặc biệt (hai góc kề bù, hai góc đối đỉnh).<br>- Nhận biết được tia phân giác của một góc.<br><b>Vận dụng:</b><br>- Vận dụng tính chất hai góc kề bù để tính góc chưa biết.                                       | 2<br>(TN)<br>C8-9 |                   | 1<br>(TL)<br>C16.1         |    |
|                    |                             | <b>Hai đường thẳng song song. Tiên đề Euclid về đường thẳng song song</b>                          | <b>Nhận biết:</b><br>- Nhận biết được tiên đề Euclid về đường thẳng song song.<br><b>Vận dụng:</b><br>- Vận dụng dấu hiệu nhận biết hai đường thẳng song song để chứng tỏ hai đường thẳng song song.<br>- Vận dụng tính chất hai đường thẳng song song để tính số đo góc. | 1<br>(TN)<br>C10  |                   | 2<br>(TL)<br>C16.2<br>a, b |    |
|                    |                             | <b>Khái niệm định lý, chứng minh một định lý</b>                                                   | <b>Nhận biết:</b><br>- Nhận biết được thế nào là một định lý.<br><b>Thông hiểu:</b><br>- Viết được GT và KL của một định lý.                                                                                                                                              | 1<br>(TN)<br>C11  | 1<br>(TL)<br>C13c |                            |    |
| 5                  | Thu thập và tổ chức dữ liệu | <b>Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ</b>                                           | <b>Nhận biết:</b><br>- Nhận biết được những dạng biểu diễn khác nhau cho một tập dữ liệu.<br><b>Vận dụng:</b><br>- Vẽ được biểu đồ đoạn thẳng.                                                                                                                            | 1<br>(TN)<br>C12  | 1 (TL)<br>C15a    |                            |    |
| 6                  | Phân tích và xử lý dữ liệu  | <b>Hình thành và giải quyết vấn đề đơn giản xuất hiện từ các số liệu và biểu đồ thống kê đã có</b> | <b>Thông hiểu:</b><br>- Nhận ra được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng biểu đồ đoạn thẳng.                                                                                                                                     |                   | 1<br>(TL)<br>C15b |                            |    |
| <b>Tổng</b>        |                             |                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                           | 12                | 5                 | 7                          | 1  |
| <b>Tỉ lệ %</b>     |                             |                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                           | 30%               | 30%               | 35%                        | 5% |
| <b>Tỉ lệ chung</b> |                             |                                                                                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                           | 60%               |                   | 40%                        |    |

ĐỀ CHÍNH THỨC

Ngày kiểm tra: 23/12/2025

MÔN: TOÁN - LỚP: 7  
Thời gian làm bài: 90 phút  
(Đề kiểm tra này gồm 02 trang)

I. TRẮC NGHIỆM (3,0 điểm).

Học sinh trả lời từ câu 1 đến câu 12. Mỗi câu hỏi học sinh chỉ chọn một phương án.

Câu 1. Chọn câu sai trong các câu sau:

- A. Số  $3\frac{1}{5}$  là số hữu tỉ;  
B. Mọi số nguyên đều là số hữu tỉ;  
C. Số hữu tỉ là các số được viết dưới dạng  $\frac{a}{b}$  với  $a, b \in \mathbb{N}, b \neq 0$ .  
D. Số hữu tỉ là các số được viết dưới dạng  $\frac{a}{b}$  với  $a, b \in \mathbb{Z}, b \neq 0$ .

Câu 2. Số nào dưới đây là số thập phân vô hạn tuần hoàn?

- A. 15,29;                      B. 15,(29);                      C. 15,29292;                      D. 15.

Câu 3. Tập hợp các số thực kí hiệu là:

- A.  $\mathbb{Z}$ ;                      B.  $\mathbb{R}$ ;                      C.  $\mathbb{Q}$ ;                      D.  $\mathbb{N}$ .

Câu 4. Số đối của số  $-\sqrt{67}$  là:

- A.  $\sqrt{67}$ ;                      B.  $-\sqrt{67}$ ;                      C. 67;                      D. -67.

Câu 5. Kết quả của  $|-25,4|$  là:

- A. -25,4;                      B. 0;                      C.  $\pm 25,4$ ;                      D. 25,4.

Câu 6. Số mặt của hình hộp chữ nhật là:

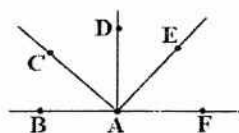
- A. 3;                      B. 4;                      C. 5;                      D. 6.

Câu 7. Hình lăng trụ đứng tam giác  $ABC.A'B'C'$  có các mặt bên là những hình gì?

- A. Tam giác;                      B. Tứ giác;  
C. Hình chữ nhật;                      D. Hình vuông.

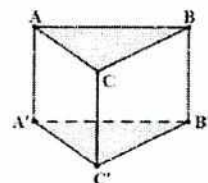
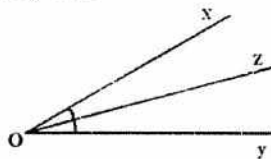
Câu 8. Cho hình vẽ bên. Góc BAE và góc EAF là:

- A. hai góc kề bù;                      B. hai góc bù nhau;  
C. hai góc phụ nhau;                      D. hai góc kề nhau.



Câu 9. Cho hình vẽ bên. Biết Oz là tia phân giác của góc xOy thì:

- A.  $\widehat{xOz} = \widehat{zOy} = \frac{\widehat{xOy}}{2}$ ;                      B.  $\widehat{xOz} = \widehat{zOy} = 2\widehat{xOy}$ ;  
C.  $\widehat{xOz} = \widehat{zOy} = \frac{\widehat{xOy}}{4}$ ;                      D.  $\widehat{xOz} = \widehat{zOy} = \widehat{xOy}$ .



Câu 10. Tiên đề Euclid được phát biểu: “Qua một điểm M nằm ngoài đường thẳng a ...”

- A. có ít nhất một đường thẳng song song với a.  
B. có hai đường thẳng song song với a.  
C. có duy nhất một đường thẳng đi qua M và song song với a.  
D. có vô số đường thẳng song song với a.

Câu 11. Điền vào chỗ chấm để hoàn thành định lí sau:

Nếu một đường thẳng cắt hai đường thẳng song song thì hai góc so le trong ...

- A. kề nhau;                      B. bằng nhau;                      C. phụ nhau;                      D. kề bù nhau.

**Câu 12.** Trong các dữ liệu sau, dữ liệu nào **không phải** là dữ liệu định lượng?

- A. Cân nặng của trẻ sơ sinh (đơn vị tính là gam): 4 000; 2 500; 5 000...;  
 B. Quốc tịch của các học sinh trong một trường quốc tế: Việt Nam, Lào, Campuchia ...;  
 C. Chiều cao trung bình của một số loại thân cây gỗ (đơn vị tính là mét): 7; 8; 9,3 ...;  
 D. Số học sinh đeo kính trong một số lớp học (đơn vị tính là học sinh): 20; 10; 15.

## II. TỰ LUẬN (7,0 điểm)

**Câu 13 (1,5 điểm).**

a) Làm tròn số 632,1759 đến hàng phần trăm.

b) Viết  $\left(\frac{5}{8}\right)^5 : \left(\frac{5}{8}\right)^3$  dưới dạng một lũy thừa, rồi tính.

c) Cho định lý: “Nếu hai đường thẳng a và b cùng vuông góc với đường thẳng c thì chúng song song với nhau”. Hãy viết giả thiết, kết luận của định lý đó.

**Câu 14 (1,0 điểm).** Thực hiện từng bước các phép tính:

a)  $\frac{5}{7} + \frac{-7}{12} + \frac{1}{4}$

b)  $\left(\frac{2}{3} - 1\right)^2 - \frac{3}{5} : \frac{9}{10} - 1^{2025}$

**Câu 15 (1,5 điểm).** Cho bảng thống kê sau:

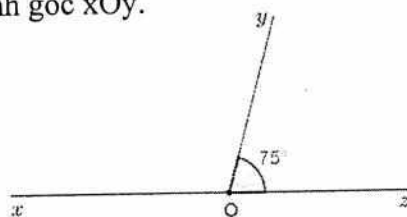
| Số học sinh đạt điểm 10 trong bốn lần kiểm tra môn Toán của lớp 7A |       |       |       |       |
|--------------------------------------------------------------------|-------|-------|-------|-------|
| Lần kiểm tra                                                       | Lần 1 | Lần 2 | Lần 3 | Lần 4 |
| Số học sinh                                                        | 6     | 10    | 8     | 12    |

a) Vẽ biểu đồ đoạn thẳng biểu diễn dữ liệu trong bảng thống kê trên.

b) Số học sinh đạt điểm 10 cao nhất ở lần kiểm tra nào? Số học sinh đạt điểm 10 ít nhất ở lần kiểm tra nào?

**Câu 16 (1,5 điểm).**

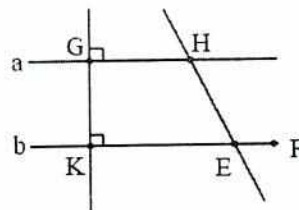
**16.1.** Cho hình vẽ sau: Tính góc xOy.



**16.2.** Cho hình vẽ bên:

a) Đường thẳng a có song song với đường thẳng b không? Vì sao?

b) Biết  $\widehat{HEF} = 120^\circ$ . Tính số đo của  $\widehat{GHE}$ ?



**Câu 17 (1,0 điểm).** Một bể nước có dạng hình hộp chữ nhật có các kích thước là 20dm; 12dm; 8dm.

a) Tính thể tích của cái bể?

b) Người ta dùng một cái can có dung tích 20 lít để lấy nước đổ vào bể, hỏi cần đổ bao nhiêu can nước thì bể đầy nước? (Cho biết  $1\text{dm}^3 = 1\text{lít}$ )

**Câu 18 (0,5 điểm).**

Trong tháng 3, một cửa hàng điện máy niêm yết giá một chiếc máy giặt là 8 500 000 đồng. Sang tháng 4, cửa hàng giảm 8% cho mỗi chiếc. Đến tháng 5, cửa hàng tiếp tục giảm thêm 12% nữa (tính trên giá đã giảm của tháng 4). Hỏi giá bán một chiếc máy giặt trong tháng 5 chênh lệch so với giá niêm yết là bao nhiêu tiền?